TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HC-ST
Ngày: 19-01-2021
V/v "khiếu kiện hủy quyết định hành chính là giấy chứng nhận kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tám

2. Bà Nguyễn Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HC ngày 16 tháng 12 năm 2020 về "*Khiếu kiện hủy quyết định hành chính là giấy chứng nhận kết hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Địa chỉ thường trú: Số 42/1, Đường T, Phường 3, thành phố T, tỉnh L. Địa chỉ liên lạc: Đường Số 1, Khu Dân cư P, thành phố T, tỉnh L. (Có mặt).

- *Người bị kiện*: Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch. (Xin vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: Đường Số 1, Khu dân cư P, thành phố T, tỉnh L. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2020 và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị V trình bày tóm tắt như sau: Bà và ông Nguyễn Minh Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến năm 2016, bà mới biết được vào tháng 01 năm 2016 ông Th đã tự đi làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 cho bà và ông Th, nhưng tại mục ghi họ tên người chồng lại không phải là Nguyễn Minh Th, sinh năm 1982 mà là Nguyễn Minh T, sinh năm 1977. Sau khi phát

hiện sự việc, bà đã liên hệ Ủy ban nhân dân xã T và được điều chỉnh lại họ tên chồng trên Giấy chứng nhận kết hôn thành Nguyễn Minh Th, sinh năm 1982. Tuy nhiên, đến tháng 8/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 5386/QĐ-UBND ngày 18/8/2020 về việc thu hồi, hủy bỏ Giấy trích lục thay đổi hộ tịch kết hôn đăng ký trái quy định của pháp luật. Điều này đã làm cho bà không thực hiện được thủ tục đăng ký khai sinh cho con chung của bà và ông Th. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của UBND xã T, do được cấp trái pháp luật. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L có ý kiến nêu tại văn bản số 11/UBND-TP ngày 05/01/2021, được tóm tắt như sau: Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L đồng ý hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của UBND xã T, do được cấp trái quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L xin vắng mặt tại tất cả các phiên họp và xét xử của Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Minh Th trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà V cũng như ý kiến của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L là Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của UBND xã T được cấp trái quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định quan hệ pháp luật đúng quy định.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Minh Th chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đến tháng 01 năm 2016 ông Th đã tự đi làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 nhưng tại mục ghi họ tên người chồng lại không phải là Nguyễn Minh Th, sinh năm 1982 mà là Nguyễn Minh T, sinh năm 1977. Quá trình giải quyết vụ án, ông Th đã thừa nhận việc dùng hồ sơ giả mang tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1977 để làm thủ tục đăng ký kết hôn với bà V. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cũng đã có văn bản xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 được cấp trái quy định của pháp luật. Như vậy, có căn cứ xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cấp trái quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại. Tuy nhiên, người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L có đơn xin vắng mặt tại phiên đối thoại, các đương sự còn lại trong vụ án thống nhất đề nghị Tòa án không tổ chức đối thoại. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành đối thoại được và được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bị kiện.

[2] Xét nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về việc hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn: Khi khởi kiện và tại phiên tòa, bà V và ông Th cũng xác định hai bên tự chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Đầu năm 2016, hai bên có bàn bạc và thống nhất với nhau về việc sẽ đăng ký kết hôn, nhưng việc ông Th tự đi đăng ký kết hôn thì bà V không biết. Theo nội dung bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L do bà Nguyễn Thị V cung cấp thể hiện họ, chữ đệm, tên chồng là: Nguyễn Minh T; ngày, tháng, năm sinh: 1977; Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh L và họ, chữ đệm, tên vợ là: Nguyễn Thị V; ngày, tháng, năm sinh: 1975; Nơi cư trú: 42/1, Trần Văn N, Phường 3, thành phố T, tỉnh L. Do đó, trong trường hợp cụ thể nêu trên, đối chiếu quy định tại Điều 17 Luật Hộ tịch thì Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L, nơi một trong hai bên cư trú có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

[2.2] Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận kết hôn: Theo hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cung cấp cũng như ý kiến của bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Minh Th thì tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 25/01/2016) không có mặt bà Nguyễn Thị V tại Ủy ban nhân dân xã T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh Th đã thừa nhận ông không sử dụng đúng họ tên thật của mình là Nguyễn Minh Th, sinh năm 1982, CMND số: 301074310 để khai vào hồ sơ đăng ký kết hôn, mà lại khai phần "Bên Nam" trong Tờ khai đăng ký kết hôn ngày 23/01/2016 với tên là Nguyễn Minh T, sinh năm 1977, CMND số: 301044246 và dùng Giấy phép lái xe giả số 790044005955 mang tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1977 để nộp cho công chức hộ tịch của xã T vào thời điểm đó là ông Nguyễn Minh Tân. Ông Nguyễn Minh Th cũng thừa nhận ông là người ký chữ ký mang tên Nguyễn Thị V trong Tờ khai đăng ký kết hôn ngày 23/01/2016 và Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L chứ không phải bà V ký. Bên cạnh đó, trên Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L thể hiện số CMND của bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Minh T trùng nhau, cùng số 301044246. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L cũng đã có văn bản thừa nhận việc cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 là trái pháp luật. Điều đó cho thấy, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L là trái pháp luật, không đúng quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật Hộ tịch.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Nguyễn Thị V, cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì

người bị kiện là Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L phải chịu 300.000đ án phí. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 8, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 79, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; Điều 17, Điều 18 của Luật Hộ tịch; Điều 6, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Nguyễn Thị V.

Hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2016 ngày 25/01/2016 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L có nghĩa vụ nộp 300.000đồng án phí sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị V khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0002653 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai, bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Minh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA huyện Bến Lức;
- UBND huyện Bến Lức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Khánh